TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số*:* 160/2023/HC-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tâm, bà Cù Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 122/2023/TLST-HC ngày 05/07/2023, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐST-HC ngày 28 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 135/2023/QĐST-HC ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Ông Phạm Đình V; Địa chỉ: 2 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

2. Ông Phạm Ngọc D; Địa chỉ: 2 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3. Ông Phạm Ngọc M; Địa chỉ: 2 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

4. Ông Phạm Ngọc T; Địa chỉ: 2 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

5. Ông Phạm Ngọc Q; Địa chỉ: 2 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q: Ông Hoàng Ngọc T1, sinh năm 1948; Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B; Địa chỉ: A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B, vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B:

1. Ông Trương Văn C, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Võ Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện là ông Hoàng Ngọc T1 trình bày:***

Năm 2016, UBND thành phố B thu hồi đất của các hộ ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q bằng các quyết định:

- Quyết định thu hồi đất: số 6750/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định phê duyệt số: 6763/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Phạm Đình V;

- Quyết định thu hồi đất số 6751/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định phê duyệt số 6763/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Phạm Ngọc D;

- Quyết định thu hồi đất số 6748/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định phê duyệt số 6763/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Phạm Ngọc M;

- Quyết định thu hồi đất số 6749/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định phê duyệt số 6763/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Phạm Ngọc Q;

- Quyết định thu hồi đất số 6611/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định phê duyệt số 6628/QĐ-UBND ngày 22/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố B đối với ông Phạm Ngọc T.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, các hộ ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q đã khởi kiện UBND thành phố B và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lăk giải quyết tại các bản án: Bản án hành chính sơ thẩm số: 72/2021/HC-ST ngày 05-11-2021; Bản án hành chính sơ thẩm số: 79/2021/HC-ST ngày 13-12 2021; Bản án hành chính sơ thẩm số: 81/2021/HC-ST ngày 20-12-2021; Bản án hành chính sơ thẩm số:85/2021/HC-ST ngày 28-12-2021 và Bản án hành chính sơ thẩm số:01/2022/HC-ST ngày 05-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, các bản

án này đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi các bản án trên có hiệu lực pháp luật, ngày 27/12/2022 UBND thành phố B ban hành các quyết định điều chỉnh giá đất tái định cư số: 542/QĐ-UBND; 541/QĐ-UBND; 540/QĐ-UBND; 539/QĐ-UBND và 540/QĐ-UBND lần lượt đối với các ông Phạm Đình V, Phạm Ngọc D, Phạm Ngọc Q, Phạm Ngọc T.

Ngày 13/6/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Đình V là 683.131.250 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 405.573.353 đồng. Sau đó, tới ngày 01/2/2023 mới chi trả lại cho ông Phạm Đình V số tiền 405.573.353 đồng.

Ngày 13/6/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Ngọc D là 275.885.700 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 243.234.750 đồng. Sau đó, tới ngày 13/01/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc D số tiền 243.234.750 đồng.

Ngày 25/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Ngọc M là 289.936.150 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 243.154.950 đồng. Sau đó, tới ngày 01/02/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc D số tiền 243.154.950 đồng.

Ngày 13/6/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Ngọc T là 436.352.032 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 256.295.700 đồng. Sau đó, tới ngày 01/02/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc T số tiền 256.295.700 đồng.

Ngày 25/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Ngọc Q là 364.953.273 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 243.616.688 đồng. Sau đó, tới ngày 01/02/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc Q số tiền 243.616.688 đồng.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố B giữ lại tiền bồi thường của các ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Ngọc T từ năm 2019 đến năm 2023 là không đúng quy định của pháp luật.

Tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất "Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình".

Tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: "*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy mô diện tích đất ở thu hồi, số nhân khẩu của hộ gia đình và điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp*".

Tại khoản 1 Điều 85 Luật Đất đai năm 2013 về lập và thực hiện dự án tái định cư quy định: "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư trước khi thu hồi đất".

Tại khoản 1 khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định:"*Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi*". *Và "Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả*".

Tại khoản 1 Điều 26, Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ có quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất về lập và thực hiện dự án tái định cư quy định: "*Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng phải bảo đảm có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất*".

Tại Điều 5 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 2/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới "Người bị thu hồi đất có nhà ở (kể cả trường hợp đủ điều kiện bồi thường về đất ở, không đủ điều kiện bồi thường về đất ở) nếu không có chỗ ở nào khác thì được hỗ trợ tiền thuê nhà, cụ thể như sau:

- Đối với địa bàn các phường, thị trấn:1.200.000 đồng/khẩu/tháng, nhưng mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ/tháng;

- Đối với hộ đơn thân 2.400.000 đồng/tháng.

- Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 6 tháng để xây nhà".

Từ những căn cứ nêu trên, chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Ngọc T, cụ thể:

- Hủy toàn bộ công văn số: 2008/UBND-TTPTQĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời khiếu nại về hỗ trợ thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới và tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, định cư công trình đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải trả ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M,ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Ngọc T lãi suất chậm chi trả từ năm 2019 đến năm 2023 (thu giữ lại) và tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (chậm bố trí tái định cư), gồm:

Tiền thuê nhà ở chậm bố trí tái định cư là 68 tháng tính từ ngày 30/8/2016 thu hồi đất đến ngày bố trí tái định cư ngày 27/12/2022;

Tiền lãi suất đã chi trả và thu lại là: 68 tháng x 0,9 % tháng tính từ ngày

13/6/2019 (thu hồi lại sau khi phê duyệt bồi thường).

**** Tại Bản tự khai đề ngày 31/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Lê Đại T2 trình bày:***

I. Về căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt dự án đầu tư xây công trình đường Đ, thành phố B.

- Công văn số 33/TTg-KTTH ngày 08/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc vốn thực hiện dự án tuyến đường trục Đ – Tây thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Thông báo số 76/TB-UBND, ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh "Kết luận của đồng chí Y Dhăm Ê – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại buổi họp bàn giải pháp về nguồn vốn đối ứng thực hiện dự án Đường Đ";

- Thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-UBND, ngày 07/4/2015 của UBND thành phố B "Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường GPMB để triển khai dự án: Đường Đ thành phố B và Tiểu dự án Buôn M - Dự án phát triển các thành phố loại B Quảng Nam, Hà Tĩnh và Đắk Lắk;

- Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 9/7/2015 của UBND tỉnh Đ về việc ủy quyền thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phạm vi xây dựng công trình đường Đ, thuộc địa bàn thành phố B;

- Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ phường T thành phố B;

- Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư thành phố B. Quyết định số 6750/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND thành phố B về việc thu 199,3m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ở, 76m^2 đất trồng cây hàng năm đã được cấp Giấy chứng nhận và 23,3 m^2 chưa được cấp GCNQSD đất) của ông Phạm Đình V, thuộc thửa đất số 157, tờ bản đồ số 46 tại phường T, thành phố B;

II. Đối với đơn khởi kiện của ông Phạm Đình V1, Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q về nội dung yêu cầu UBND thành phố B phải trả lãi suất chậm chi trả và tiền thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới, UBND thành phố B có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới. Ngày 30/8/2016, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6763/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng: Đường Đ, thành phố B (địa bàn phường T, đợt 2, lần 2); Trong đó: Hộ ông Phạm Đình V, hộ ông Phạm Ngọc Q, hộ ông Phạm Ngọc T, hộ ông Phạm Ngọc M được hỗ trợ tiền thuê nhà 06 tháng với mức hỗ trợ là 3.000.000đồng/tháng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 16 Quyết định số 39/QĐ-UBND, ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ quy định. Đối với hộ ông Phạm Ngọc D không ở tại vị trí đất thu hồi, nên không đủ điều kiện để được hỗ

trợ tiền thuê nhà. Như vậy, chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà đối với các hộ đã được thực hiện đúng quy định.

- Đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì căn cứ Quyết định số 6763/QĐ-UBND, ngày 30/08/2016 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng: Đường Đ, thành phố B;

Ngày 8/9/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã có giấy báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ nhưng các hộ không đến nhận tiền vì cho rằng giá bồi thường thấp. Đến ngày 25/01/2019 và ngày 13/6/2019 các hộ mới đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt nhưng vẫn chưa bàn giao mặt bằng theo quy định. Ngày 04/6/2021, UBND thành phố B ban hành các quyết định số: 3731/QĐ-UBND; số 3735/QĐ-UBND; số 3736/QĐ-UBND; số 3737/QĐ-UBND; số 3738/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ nêu trên và các hộ bàn giao mặt bằng cho Nhà nước (ngày 09/6/2021 - 15/6/2021). Do đó, các hộ đề nghị phải chi trả một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo khoản 2, Điều 93 Luật Đất đai năm 2013: "Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả" là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Đình V1, Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T, và ông Phạm Ngọc Q.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị bác đơn khởi kiện của những người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q.

- Hủy côngsố: 2008/UBND-TTPTQĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời khiếu nại về hỗ trợ thuê nhà trong thời

gian tạo lập chỗ ở mới và tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ,tái định cư công trình đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải chi trả tiền lãi suất chậm trả đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ mà ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q được hưởng khi Nhà nước thu hồi đất mà Ủy ban tự thu giữ lại theo quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ tiền thuê nhà để tạo lập chỗ ở mới đối với ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 12/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về đối tượng khởi kiện:* Ngày 30 tháng 5 năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố B có Công văn số 2008/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời khiếu nại về hỗ trợ thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới và tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Công văn nêu trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Ngọc T nên yêu cầu khởi kiện của ông V, D, ông M, ông Q và ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Do không đồng ý với nội dung Công văn số 2008/UBND-TTPTQĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 của UBND thành phố B nên ngày 10/6/2023 ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Ngọc T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

Năm 2016, Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi đất của các hộ ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông

Phạm Ngọc Q, cụ thể: Tại các Quyết định thu hồi đất số 6750/QĐ-UBND, số 6751/QĐ-UBND, số 6748/QĐ-UBND, số 6749/QĐ-UBND cùng ngày 30/8/2016 và Quyết định thu hồi đất số 6611/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Ủy ban nhân thành phố B tỉnh Đắk Lắk lần lượt đối với ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc Q và Phạm Ngọc T. Theo đó, UBND thành phố B ban hành các Quyết định số 6763/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 và số 6628/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ, thành phố B đối với các hộ nêu trên.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, các hộ ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q đã khởi kiện UBND thành phố B và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm tại các bản án: Bản án hành chính sơ thẩm số: 72/2021/HC-ST ngày 05-11-2021, Bản án hành chính sơ thẩm số: 79/2021/HC-ST ngày 13-12 2021, Bản án hành chính sơ thẩm số: 81/2021/HC-ST ngày 20-12-2021, Bản án hành chính sơ thẩm số: 85/2021/HC-ST ngày 28-12-2021 và Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 05-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, các bản án này không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu lãi suất chậm chi trả đối với số tiền mà ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật mà Ủy ban tự thu giữ lại, thì thấy:

Dựa theo Quyết định số: 6763/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 và 6628/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ, thành phố B đối với các hộ ông V, D, M, T và Q thì, ngày 13/6/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Đình V là 683.131.250 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 405.573.353 đồng. Sau đó, tới ngày 01/2/2023 mới chi trả lại cho ông Phạm Đình V số tiền 405.573.353 đồng. Ngày 13/6/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Ngọc D là 275.885.700 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 243.234.750 đồng. Sau đó, tới ngày 13/01/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc D số tiền 243.234.750 đồng. Ngày 25/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Ngọc M là 289.936.150 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 243.154.950 đồng. Sau đó, tới ngày 01/02/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc D số tiền 243.154.950 đồng. Ngày 13/6/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi thường cho hộ ông Phạm Ngọc T là 436.352.032 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 256.295.700 đồng. Sau đó, tới ngày 01/02/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc T số tiền 256.295.700 đồng. Ngày 25/01/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chi trả số tiền bồi

thường cho hộ ông Phạm Ngọc Q là 364.953.273 đồng và đồng thời thu giữ lại số tiền 243.616.688 đồng. Sau đó, tới ngày 01/02/2023 mới chi trả cho ông Phạm Ngọc Q số tiền 243.616.688 đồng là không đúng, bởi vì việc UBND thành phố B giữ lại một phần tiền của các hộ dân nêu trên để thu tiền tái định cư mà không có sự đồng ý của các hộ dân. Sau đó, các hộ dân cam kết sẽ bàn giao mặt bằng nếu UBND thành phố B trả đầy đủ tiền bồi thường cho họ được thể hiện tại "*giấy cam kết bàn giao mặt bằng*" đề ngày 13/6/2019 nhưng đến tháng 01 và tháng 02 năm 2023 UBND thành phố Buôn Ma T3 mới trả đủ tiền cho các hộ dân.

Tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:*

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả."

Do đó, thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ như đã nêu ở trên là vi phạm khoản 1 Điều 93 Luật Đất đai 2013, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 để thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Do đó, yêu cầu này của ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Ngọc T là có căn cứ nên buộc UBND thành phố B phải có trách nhiệm bồi thường tiền chậm chi trả cho: ông Phạm Đình V số tiền 405.573.353 đồng, ông Phạm Ngọc T 256.295.700 đồng từ ngày 13/6/2019 đến ngày 01/02/2023; ông Phạm Ngọc D 243.234.750 đồng từ ngày 13/6/2019 đến ngày 13/01/2023; ông Phạm Ngọc M 243.154.950 đồng, ông Phạm Ngọc Q 243.616.688 đồng từ ngày 25/01/2019 đến ngày 01/02/2023 theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông V, ông D, ông M, ông T và ông Q về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải hỗ trợ tiền thuê nhà ở do chậm bố trí tái định cư là 68 tháng cho mỗi hộ dân tính từ ngày 30/8/2016 là ngày thu hồi đất cho đến ngày bố trí tái định cư ngày 27/12/2022, thấy rằng:

Tại khoản 1, 2 Điều 16 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk quy định:

1. Người bị thu hồi đất có nhà ở và được giao đất tái định cư nếu không còn chỗ ở nào khác thì được bố trí vào nhà ở tạm cư hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới khi được giao đất ở để xây dựng nhà ở mới

tại khu tái định cư, với mức hỗ trợ 3.000.000 đồng cho một hộ mỗi tháng đối với các hộ ở tại các phường thuộc thị xã B và các phường thuộc thành phố B và 2.000.000 đồng cho một hộ mỗi tháng đối với các hộ ở các xã, thị trấn còn lại.

2. Thời gian hỗ trợ do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm tính toán theo từng dự án cụ thể: tính từ thời điểm người bị thu hồi đất có nhà ở bàn giao đất thực địa cho đến khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất ở tại khu tái định cư và cộng thêm thời gian không quá 06 tháng để xây dựng nhà ở mới.

Theo quy định trên thì thấy thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính từ thời điểm người bị thu hồi đất có nhà ở bàn giao đất thực địa cho đến khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất ở tại khu tái định cư và cộng thêm thời gian không quá 06 tháng để xây dựng nhà ở mới.

Đối chiếu với quy định nêu trên, khi lập phương án bồi thường, các hộ trên đã được hỗ trợ tiền thuê nhà và chi phí di chuyển chỗ ở là 18.000.000 đồng (6 tháng x 3.000.000đồng) là đúng quy định nhưng chưa đầy đủ, bởi lẽ: Năm 2016, UBND thành phố B thu hồi đất, đồng thời ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng đường Đ, thành phố B đối với các hộ nêu trên. Ngày 13/6/2019 và ngày 25/01/2019 các hộ dân ký giấy cam kết bàn giao mặt bằng cho UBND thành phố B và cam kết chậm nhất vào ngày 10/7/2019. Sau ngày 10/7/2019 các hộ dân trên vẫn chưa bàn giao mặt bằng. Ngày 04/6/2021, UBND thành phố B ra Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ trên. Sau khi có Quyết định cưỡng chế thì các hộ dân mới bàn giao mặt bằng cho UBND thành phố B. Tuy nhiên, vào thời điểm này UBND thành phố B chưa bố trí giao đất tái định cư cho các hộ dân. Để thi hành các Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đến ngày 27/12/2022, UBND thành phố B ban hành các Quyết định điều chỉnh giá đất tái định cư số: 10542/QĐ-UBND; 10541/QĐ-UBND; số 10540/QĐ-UBND; số 10539/QĐ-UBND và số 10540/QĐ-UBND và giao đất tái định cư lần lượt đối với các hộ ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q. Vì vậy, việc ông V, ông D, ông M, ông T và ông Q yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà từ 30/8/2016 là ngày thu hồi đất cho đến ngày bố trí tái định cư ngày 27/12/2022 là không phù hợp với thực tế mà cần buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông V, ông D, ông M, ông T và ông Q tính từ tháng 7/2021 (là thời điểm các hộ dân bàn giao mặt bằng) đến tháng 12/2022 (là thời điểm UBND thành phố B giao đất tái định cư cho các hộ dân) mới phù hợp. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện này của các hộ dân.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc Q và ông Phạm Ngọc T để hủy công văn số: 2008/UBND-TTPTQĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời khiếu nại về hỗ trợ thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới và tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

công trình đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và lập phương án bổ sung hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông V, ông D, ông M, ông T và ông Q.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông V, ông D, M, ông T và ông Q được chấp nhận một phần nên những người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm mà UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 , điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 83; khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Áp dụng Điều 16 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q.

- Hủy công văn số: 2008/UBND-TTPTQĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời khiếu nại về hỗ trợ thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới và tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải chi trả tiền lãi suất chậm trả đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ mà ông Phạm Đình V, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q được hưởng khi Nhà nước thu hồi đất mà Ủy ban tự thu giữ lại, cụ thể: ông Phạm Đình V 405.573.353 đồng, ông Phạm Ngọc T 256.295.700đồng từ ngày 13/6/2019 đến ngày 01/02/2023; ông Phạm Ngọc D 243.234.750 đồng từ ngày 13/6/2019 đến ngày 13/01/2023; ông Phạm Ngọc M 243.154.950 đồng, ông Phạm Ngọc Q 243.616.688 đồng từ ngày 25/01/2019 đến ngày 01/02/2023 theo quy định của pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó: Bổ sung khoản tiền hỗ trợ tiền thuê nhà để tạo lập chỗ ở mới đối với ông Phạm Đình V,

ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc M, ông Phạm Ngọc T và ông Phạm Ngọc Q từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 12/2022.

[2] Về án phí:

- Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Ngọc Q, ông Phạm Ngọc M mỗi người 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí (do ông Nguyễn Xuân B nộp thay) lần lượt theo các Biên lai thu số AA/2022/0003759, số AA/2022/0003760, số AA/2022/0003761, số AA/2022/0003762 cùng ngày 23/6/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện E;
- Lưu hồ sơ vụ án.